

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **458/2021/HS-PT**
Ngày 22 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Tôn

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Ba** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 221/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Văn D, Đỗ Tấn T (T) và Bảo H H G (T) do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Trường H; giới tính: Nam; sinh ngày 13 tháng 3 năm 1997; tại: Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nơi ĐKNKTT: thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông: Nguyễn Trường H (sinh năm 1972) và bà Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1975). G đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn D; giới tính: Nam; sinh ngày 06 tháng 4 năm 1993, tại: Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nơi ĐKNKTT:

thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Sửa xe; con ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1965) và bà Dương Thị T (sinh năm 1971). G đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2013, Công an quận T xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Năm 2014, Tòa án nhân dân quận T xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2015, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xử phạt 12 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Tấn T (T); giới tính: Nam; sinh ngày 02 tháng 01 năm 1994, tại: Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nơi ĐKNKTT: tỉnh Quảng Nam; học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; con ông Đỗ Tấn T (sinh năm 1970) và bà Nguyễn Thị V (sinh năm 1971). G đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bảo H H G (T); giới tính: Nam; sinh ngày 19 tháng 10 năm 1997, tại: Đà Nẵng, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; nơi ĐKNKTT: quận T, thành phố Đà Nẵng; học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; con ông Vĩnh H Trúc L (sinh năm 1965) và bà Trần Thị Ngọc B (sinh năm 1971). G đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 01/2019, bị Công an phường T xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trường H:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975. Nơi ĐKNKTT: quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trường H:* Luật sư **Ông Quốc C** - Công ty luật TNHH X, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bảo H H G:* Luật sư **Phạm Lý H** - Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Tấn T:* Luật sư Trần H V - Công ty Luật

TNHH V, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội theo yêu cầu của bị cáo. Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trường H là bảo vệ của Công ty cổ phần ô tô J Việt Nam- chi nhánh tại Đà Nẵng (được viết tắt là: Công ty J) (địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; do ông She Cai R, quốc tịch Trung Quốc làm Tổng giám đốc). Trong thời gian làm bảo vệ tại đây, H biết Công ty TNHH Máy phát điện K (được viết tắt là: Công ty K) (liền kề phía sau Công ty J) có để một số tài sản là các thiết bị máy móc sơ hờ, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 10/3/2020, H rủ D đến chỗ H làm đề trộm cắp các thanh sắt của Công ty K. Trong lúc chờ D đến thì H đã thò tay sang hàng rào của Công ty K lấy trộm 01 chiếc đe bằng sắt kích thước 50x50cm, đem giấu chỗ để lốp xe tải của Công ty J. Khi D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43X1- 4220 đến Công ty J thì H dẫn D ra phía sau Công ty J, H trèo tường rào sang Công ty K lấy trộm 09 ống sắt (là phụ tùng máy phát điện, chiều dài 37cm và đường kính 13 cm) đưa cho D. H và D bỏ 04 ống sắt lên xe máy của D chở về nhà cất giấu. Khi D đi đến ngã ba đường T - L thì gặp Đỗ Tấn T đi xe mô tô biển kiểm soát 43H7-7736, T hỏi sắt ở đâu thì D nói sắt phế thải lấy trộm ở Công ty của H, D và T cùng về nhà D. Sau đó, D rủ T quay lại Công ty J để chở số sắt còn lại, T đồng ý. Chiếc đe sắt, H đem bán cho người thu mua phế liệu (không rõ lai lịch) 100.000 đồng, tài sản không thu hồi được.

- Lần thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 10/3/2020, khi D và T quay trở lại, H tiếp tục dẫn D và T ra phía sau Công ty J, H nhảy rào sang Công ty K lấy trộm thêm 04 ống sắt (cùng loại nêu trên), đưa cho D và T để xuống sân Công ty J. Cả nhóm đưa số sắt vừa lấy trộm và số sắt mà H và D lấy trộm trước đó đặt lên xe mô tô 43X1- 4220 và 43H7-7736 để D và T chở về nhà D cất giấu, sau đó T về nhà ngủ, còn D quay trở lại Công ty J uống bia cùng H. Khi H đi ngủ, D nhìn thấy trước sân của Công ty J có chiếc xe ô tô mô hình gắn bình điện để trưng bày sản phẩm nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, D đi đến chỗ xe ô tô tháo trộm 01 bình điện màu trắng hiệu Đồng Nai N90A, đem giấu vào thùng đựng đồ nghề trên xe máy của mình rồi vào phòng bảo vệ ngồi. Đến khoảng 04 giờ ngày 11/3/2020, D tiếp tục tháo trộm thêm 01 bình điện màu trắng hiệu Đồng Nai N90A của 01 ô tô khác đem giấu ở gốc cây trước Công ty J. Lúc này có người

gọi D đi vá xe nên D gọi H dậy mở cổng, D lấy bình điện đã giấu ở gốc cây trước đó bỏ trước xe máy chở về. Khi đến quán cà phê gần ngã ba H, D gặp và kể với T việc D lấy trộm bình điện, D nhờ T giữ giúp bình điện để đi vá xe cho khách. Trong lúc đi làm, D đã bán bình điện lấy trộm giấu trong thùng đồ nghề cho một người không rõ lai lịch lấy 302.000 đồng. Khoảng 08 giờ cùng ngày, D đem 13 ống sắt lấy trộm ở Công ty K bán cho tiệm phế liệu của ông Lê Hữu T (sinh năm 1976; trú quận T) lấy 850.000 đồng, số sắt này ông T đã bán cho người khác nên không thu hồi được.

Sau đó, D cùng với T đi bán bình điện mà D đã gửi cho T trước đó tại tiệm phế liệu quận C cho anh Nguyễn Mạnh H (sinh năm 1973, trú quận C) với giá 300.000 đồng, D chia cho T 150.000 đồng. Số tiền bán sắt, D chia cho H, T mỗi người 200.000 đồng, 250.000 đồng D giữ lại để tiêu xài chung cho cả nhóm.

- Lần thứ ba: Chiều tối ngày 11/3/2020, tại Công ty J, H uống bia với Bảo H H G, H điện thoại rủ thêm D cùng đến uống bia. Trong lúc chờ D đến, H đi vệ sinh nhìn sang Công ty K thấy vẫn còn ống sắt nên H nhảy rào sang lấy trộm tiếp 10 ống sắt (cùng loại nêu trên) và 02 bình điện ô tô hiệu Đồng Nai và GS50A, khi G đi ra phía sau tìm H thì thấy H đang bốc các ống sắt; G hỏi thì H nói sắt phế liệu của công ty dọn lại cho gọn, G phụ giúp bê các ống sắt bỏ dọc theo lối đi.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, D và T đến. Lúc này, H nói với D và T là mới lấy 10 ống sắt để phía sau và nói D, T lấy xe lôi đến chở về để đem đi bán. D và T đưa xe lôi đến, H, D, T và G cùng nhau bê 10 ống sắt mà H vừa lấy trộm được bỏ lên xe. G vào phòng vệ sinh rửa tay thì H nói còn 05 ống sắt nữa lấy luôn, D và T đồng ý. H nhảy rào sang Công ty K lấy sắt đưa cho D rồi đưa cho T bỏ xuống sân Công ty J. Lúc này, G đi đến, thấy H đang ở Công ty K lấy ống sắt đưa cho D và T nên đến phụ giúp lấy sắt bỏ lên xe lôi. Tất cả 15 ống sắt trên, cả nhóm kéo sắt đến bán cho chị Huỳnh Thị Mỹ D (sinh năm 1972, trú Tổ 02, phường T Tây, quận T) lấy 940.000 đồng. D chia mỗi người 200.000 đồng, số tiền còn lại D dùng để chi tiêu cho cả nhóm. Sau khi mua số sắt này, chị D đã bán cho người khác, nên không thu hồi được.

Đến sáng ngày 12/3/2020, H đem bán 02 bình điện trộm tại Công ty K cho người thu mua phế liệu không rõ lai lịch lấy 200.000 đồng, số tiền này H tiêu xài hết.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 xe mô tô BKS 43S6-7593 màu xanh, không nhãn hiệu (do H giao nộp). 01 xe mô tô BKS 43H7-7736 (do T giao nộp). 01 xe mô tô BKS 43X1-4220, trên xe gắn thùng đồ nghề (do D giao nộp). 01 bộ đồ nghề vá xe lưu động của Đỗ Tấn T. 01 bình điện hiệu Đồng Nai N90A màu trắng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 26/4/2020 của Hội đồng định giá tổ tụng huyện Hòa Vang kết luận: Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 104.750.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Cụ thể:

- 28 ống sắt có tổng trị giá 100.800.000 đồng (mỗi ống trị giá 3.600.000 đồng). 01 bình điện hiệu Đồng Nai màu đen trị giá 1.000.000 đồng. 01 bình điện hiệu GS50A màu trắng trị giá 550.000 đồng. 02 bình điện hiệu Đồng Nai N90A trị giá 2.300.000 đồng. 01 đe sắt trị giá 100.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Nguyễn Văn D, Đỗ Tấn T, Bảo H H G phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, q, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường H** 04 (Bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 03 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 03 năm 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Đỗ Tấn T** 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 03 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Bảo H H G** 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 01 năm 06 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/01/2021 bị cáo Nguyễn Trường H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Ngày 05/02/2021, bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo toàn bộ bản án; các bị cáo Đỗ Tấn T, Bảo H H G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Trường H, Đỗ Tấn T, Bảo H H G giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội, do các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa của các bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm xử như vậy là nghiêm khắc, bởi vì các bị cáo hầu hết tuổi mới lớn hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Văn D, Đỗ Tấn T, Bảo H H G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Trong hai ngày 10/3/2020 và 11/3/2020 Nguyễn Trường H, Nguyễn Văn D, Đỗ Tấn T, Bảo H H G đã nhiều lần lấy trộm tài sản của công ty K và công ty J, tài sản trộm cắp được gồm: 28 ống sắt, 01 bình điện hiệu Đồng Nai màu đen, 01 bình điện hiệu GS50A màu trắng, 02 bình điện hiệu Đồng Nai M90A; 01 đe sắt trị giá 100.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 104.750.000 (*Một trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó: Bị cáo Nguyễn Trường H tham gia trộm cắp 03 lần gồm 01 chiếc đe sắt, 28 ống sắt và 02 bình điện ô tô với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 102.450.000 (*Một trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi*) đồng; bị cáo Nguyễn Văn D tham gia trộm cắp 03 lần gồm 18 ống sắt, 02 bình điện ô tô với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 67.100.000 (*Sáu mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng*) đồng, đồng thời D còn tiêu thụ tài sản do H trộm cắp mà có trong những lần mà D không tham gia gồm 10 ống sắt có tổng trị giá 36.000.000 (*Ba mươi sáu triệu*) đồng; bị cáo Đỗ Tấn T tham gia trộm cắp 02 lần gồm 09 ống sắt trị giá 32.400.000 (*Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng và tiêu thụ tài sản do H, D trộm cắp mà có gồm 19 ống sắt, 01 bình điện có tổng giá trị là 69.550.000

(Sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng; Bị cáo Bảo H H G tham gia trộm cắp 01 lần với 05 ống sắt có giá trị 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng và tiêu thụ tài sản do H trộm cắp mà có gồm 10 ống sắt trị giá 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trường H phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS, bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của BLHS, bị cáo Đỗ Tấn T và bị cáo Bảo H H G phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của BLHS. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Chỉ trong thời gian ngắn, các bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội. Trong đó Nguyễn Trường H là bảo vệ của công ty J, chính bị cáo là người nảy sinh ý định trộm cắp và rủ đồng bọn là Nguyễn Văn D, Bảo H H G cùng tham gia, bị cáo Nguyễn Văn D là người đầu tiên tiếp nhận ý định phạm tội từ H, sau đó D cũng là người rủ rê Đỗ Tấn T tham gia. Mặc dù cùng tham gia nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, hành vi của mỗi bị cáo là bộc phát nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Bản thân bị cáo H và D đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và đã được xóa án tích nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện mà vẫn thực hiện hành vi phạm tội tương tự là thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Năm 2019, bị cáo G bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo H, D tham gia trộm cắp 03 lần, bị cáo T tham gia trộm cắp 02 lần, bị cáo D và T thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhiều lần nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra, xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H là người bị bệnh động kinh dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, gia đình bị cáo H có nộp số tiền 3.000.000 đồng để bồi thường thay cho bị cáo, bị cáo T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo G phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Sau khi đánh giá tính chất hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 04 (bốn) năm

tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Nguyễn Văn D 03 (Ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 09 (Chín) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, bị cáo Đỗ Tấn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 09 (Chín) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, bị cáo Bảo H H G 09 (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 09 (Chín) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Sau xử sơ thẩm bị cáo Bảo H H G đã khắc phục số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001716 ngày 16/11/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[4] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo: Về nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, như đã nhận định ở trên, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo là phù hợp, không nặng, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này. Đối với nội dung kháng cáo xin hưởng án treo: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần”, có nhân thân xấu nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với số tiền bị cáo Bảo H H G đã khắc phục được 1.000.000 đồng (một triệu đồng) sẽ được khấu trừ khi thi hành án dân sự.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Văn D, Đỗ Tấn T, Bảo H H G, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Nguyễn Văn D, Đỗ Tấn T, Bảo H H G phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, q, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường H 04 (Bốn)** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 03 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 03 năm 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Đỗ Tấn T** 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 03 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Bảo H H G** 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 01 năm 06 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQHK14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trường H, Nguyễn Văn D, Đỗ Tấn T, Bảo H H G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng ;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - CA thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn